

Những thành tựu của ngành y tế Vĩnh Phúc từ năm 1975 đến năm 2010?

Giai đoạn 1975 - 1996

Năm 1975, trong điều kiện đất nước thống nhất, ngành y tế Vĩnh Phúc đã đạt được nhiều thành tích. Ngành có nhiều biện pháp tích cực phòng dịch, không để dịch xảy ra trên diện rộng, đặc biệt đã quản lý, khống chế, tiến tới thanh toán được các bệnh bạch hầu, bại liệt, thương hàn. Công tác khám, chữa bệnh phục vụ tốt yêu cầu của nhân dân, không gây phiền hà. Các bệnh viện lớn của tỉnh đã thay đổi phương thức phục vụ người bệnh theo hướng giảm sự chờ đợi, đi lại của bệnh nhân; một số huyện có phòng khám chuyên khoa. Tỷ lệ tử vong giảm xuống còn 1,14%.

Những năm 1975 - 1985, tình hình kinh tế - xã hội nước ta gặp nhiều khó khăn, ngành y tế Vĩnh Phúc đã có nhiều biện pháp chặn đứng những hiện tượng sa sút xảy ra trong ngành. Công tác vệ sinh phòng bệnh phát triển khá, có 6/13 đơn vị huyện, thị dứt điểm công trình vệ sinh, chủ động ngăn chặn và đẩy lùi nhiều bệnh xã hội, không để dịch lớn xảy ra. Mạng lưới y tế đã phát triển rộng ở các tuyến. Cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật được tăng cường.

Tuy nhiên, công tác y tế trong giai đoạn này vẫn tồn tại nhiều hạn chế, nhất là ở cơ sở; một số bệnh viện chưa đáp ứng tốt chế độ và việc nuôi dưỡng cho bệnh nhân; thuốc men chưa tốt và phân phối, sử dụng chưa hợp lý; quản lý yếu; cơ sở vật chất phân tán; một số bệnh xã hội có chiều hướng gia tăng...

Trong 10 năm (1986 - 1996), cùng với sự khởi sắc của cả nước nhờ công cuộc Đổi mới, ngành y tế Vĩnh Phúc cũng phát triển mạnh mẽ, có nhiều thành tựu mới.

Năm 1990, tất cả các xã, phường trên địa bàn Vĩnh Phúc đều có trạm xá với quy mô, hình thức khác nhau tùy theo số dân và khả năng ngân sách địa phương.

Tháng 9 - 1991, ngành y tế Vĩnh Phúc triển khai kế hoạch thực hiện đề án "Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bắt đầu bằng nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ, giảm phiền hà cho bệnh nhân tại các cơ sở khám chữa bệnh" của Bộ Y tế. Sau 1 năm thực hiện, tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên, thầy thuốc đã được nâng lên, diện mạo bệnh viện có nhiều thay đổi, việc chấp hành các quy chế về chuyên môn được thực hiện nghiêm túc, giảm thiểu các thủ tục gây khó khăn, phiền hà cho bệnh nhân.

Năm 1992, các bệnh viện bắt đầu thực hiện chế độ bảo hiểm y tế. Cùng với việc đổi mới công tác khám chữa bệnh, toàn ngành đã mở rộng và đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng như: tiêm chủng mở rộng, phòng chống bại liệt, phòng chống suy dinh dưỡng... Nhiều chương trình y tế quốc gia đã được thực hiện định kỳ và sâu rộng, góp phần đáng kể vào việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, hạn chế lây lan, tiến tới xóa bỏ một số bệnh.

Từ năm 1995, cán bộ y tế xã, phường được trả lương từ ngân sách địa phương.

Giai đoạn 1997 - 2010

Ngày 13 - 1 - 1997, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định thành lập ngành Y tế Vĩnh Phúc. Từ thời điểm đó, hệ thống y tế các cấp dần dần được kiện toàn, chất lượng nguồn nhân lực không ngừng được nâng cao, công tác phòng dịch, khám chữa bệnh, dân số - kế hoạch hóa gia đình... từng bước được cải thiện, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân trong tỉnh.

Hệ thống y tế

Trong 13 năm (1997 - 2010), cùng với sự đổi mới và phát triển toàn diện của tỉnh, ngành y tế tiếp tục củng cố hệ thống tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương 4, khóa VII; Nghị quyết 37/CP của Chính phủ; Đề án 03/TU của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về phát triển sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Trong hai năm 1997 - 1998, hệ thống ngành y tế Vĩnh Phúc gồm: văn phòng Sở với phòng chức năng và công đoàn ngành. Trên tuyến tỉnh có 3 bệnh viện tỉnh (Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng), 4 trung tâm kỹ thuật nghiệp vụ thuộc hệ dự phòng (Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Phòng chống các bệnh xã hội, Trung tâm Bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em - Kế hoạch hóa gia đình, và Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm), 2 hội (Hội Đông y và Hội Châm cứu), Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ, Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ y tế, Công ty Dược, vật tư y tế, và 7 hiệu thuốc. Tuyến huyện có 6 trung tâm huyện, thị (trong đó có 6 bệnh viện huyện), và 9 phòng khám khu vực (ở các huyện Lập Thạch, Vĩnh Tường, Tam Dương, Bình Xuyên, Mê Linh), 7 hiệu thuốc. Tuyến xã có 145 trạm y tế xã, phường.

Ngoài ra, tại Vĩnh Phúc còn có các bệnh viện Trung ương, quân đội, bệnh viện ngành (thường dành 10% số giường bệnh để tiếp nhận và điều trị bệnh nhân trên địa bàn).

Trong những năm qua, số đơn vị y tế của Vĩnh Phúc thường xuyên gia tăng. Từ năm 1998 đến năm 2000, Vĩnh Phúc có 7 trung tâm y tế huyện, thị; năm 1998, thành lập Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ y tế - Hội Y tá Điều dưỡng; năm 2000, thành lập Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe; năm 2001, thành lập Trường Trung học Y tế trên cơ sở Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng cán bộ y tế. Số phòng khám đa khoa khu vực tăng từ 9 phòng khám lúc mới tái lập tỉnh lên 23 phòng khám (năm 2006), 27 phòng (năm 2007), trong đó đã xuất hiện phòng khám đa khoa khu vực ngoài nhà nước.

Tính đến thời điểm 31 - 12 - 2010, toàn tỉnh có 6 bệnh viện tuyến tỉnh (2 bệnh viện đa khoa, 4 bệnh viện chuyên khoa); 9 bệnh viện đa khoa tuyến huyện; 10 trung tâm kỹ thuật tuyến tỉnh; 2 chi cục; 9 trung tâm y tế huyện, thị; 9 trung tâm an toàn vệ sinh thực phẩm; 9 trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; 137 trạm y tế xã, phường, thị trấn; 1 đơn vị đào tạo (Trường Trung học Y tế Vĩnh Phúc); 4 hội nghề nghiệp.

Về hệ thống y tế cơ sở, đến năm 2008, toàn tỉnh có 154 trạm y tế (trong 152 xã, phường, thị trấn; riêng xã Ngọc Thanh, thị xã Phúc Yên có 2 cơ sở là Ngọc Thanh 1 và Ngọc Thanh 2, cách nhau 12 km). Bình quân cán bộ y tế xã đã tăng từ 4,4 người/trạm năm 1996 lên 4,7 người/trạm năm 2004; và đến năm 2007, mỗi trạm y tế được biên chế từ 4 - 6 cán bộ, nhân viên, trong đó có 120 bác sĩ, chiếm 80% số xã có bác sĩ công tác; 100% các trạm y tế có nữ hộ sinh và y sĩ sản nhi. Ngoài ra, còn có 1.436 nhân viên y tế thôn, bản đã qua đào tạo từ sơ học đến trung học y tế, đảm bảo 100% thôn, bản có nhân viên y tế chuyên trách. Đến cuối năm 2010, số cán bộ biên chế và định biên tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn, chỉ còn 933 người, nhưng bình quân cán bộ vẫn ở mức 6,8 người/trạm. Tương tự, số lượng bác sĩ cũng giảm, chỉ còn 110 người, tuy nhiên vẫn đạt mức 80,3% tổng số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ. Nguyên nhân là vì sau lần điều chỉnh địa giới tỉnh năm 2008, toàn bộ huyện Mê Linh sáp nhập vào địa bàn Hà Nội, dẫn đến số trạm y tế xã, phường, thị trấn (chỉ còn 137

trạm), kéo theo số lượng cán bộ y tế cũng giảm, song vẫn đạt mức bình quân cao hơn những năm trước.

Hệ thống của ngành dược trong tỉnh gồm công ty dược - vật tư y tế và các hiệu thuốc, đại lý bán lẻ thuốc tại huyện, thị làm nhiệm vụ kinh doanh, sản xuất, xuất nhập khẩu và phân phối thuốc.

Những năm gần đây, y tế tư nhân đã xuất hiện nhưng còn nghèo nàn cả về cơ sở vật chất lẫn lực lượng tham gia, nên hiệu quả hoạt động chưa cao. Trên địa bàn Vĩnh Phúc chưa có bệnh viện tư mà mới chỉ có phòng khám đa khoa hoặc chuyên khoa. Tuy nhiên, số lượng còn ít, chỉ có 10 phòng năm 2006 và 14 phòng năm 2008. Quy mô các phòng khám còn nhỏ, chủ yếu cung cấp những dịch vụ khám chữa bệnh thông thường. Cán bộ hầu hết là nhân viên ở các cơ sở y tế công lập làm ngoài giờ. Nếu tính cả hệ thống phòng khám tư và những bác sĩ gia đình tham gia bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, thì đến nay, trên địa bàn tỉnh hiện có khoảng hơn 300 cơ sở hành nghề y, dược tư nhân, trong đó có 78 cơ sở hành nghề y và 237 cơ sở hành nghề dược.

Về các hội nghề nghiệp, ngoài hai hội hoạt động trong lĩnh vực Y học cổ truyền là Hội Đông y và Hội Châm cứu, hoạt động của Hội Điều dưỡng Vĩnh Phúc cũng đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ.

Hội được thành lập theo Quyết định số 2338 ngày 11 - 9 - 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Sau hơn 10 năm hoạt động, Hội đã phát triển vượt bậc với số lượng hội viên không ngừng tăng, từ 667 hội viên (trong đó chỉ có 1 người trình độ đại học) khi mới thành lập lên 933 hội viên năm 2010 (trong đó đã có 50 người trình độ đại học, trên đại học). Suốt thời gian tồn tại, Hội luôn chứng tỏ vai trò hỗ trợ đắc lực cho các bác sĩ khám, chữa bệnh, phục hồi sức khỏe, chức năng cho nhân dân. Riêng trong năm 2010, Hội đã giúp bác sĩ khám bệnh cho 2.600.000 lượt người, trong đó có 130.000 lượt bệnh nhân điều trị nội trú, 50.000 lượt người điều trị ngoại trú, 11.900 lượt bệnh nhân phẫu thuật, 2.038.000 lượt người xét nghiệm, 200.000 lượt người chụp X - quang, 160.000 lượt người siêu âm, 4.000 lượt người chụp cắt lớp. Trong năm này, Hội cũng đã phối hợp với Hội Điều dưỡng Việt Nam mở 1 lớp tập huấn "Tiêm an toàn cho người bệnh" với 30 hội viên tham gia; mở 3 lớp tập huấn nghiệp vụ: dưỡng sinh cho 15 hội viên, châm cứu: 42 hội viên, và xoa bóp tác động cột sống; thực hiện 2 đề tài khoa học cấp cơ sở.

Đặc biệt, để phát huy tối đa hiệu quả của các hội nghề nghiệp ngành y tế (cũng như của toàn ngành y tế Vĩnh Phúc nói chung), ý tưởng về việc thành lập một Hội tổng hợp mang tên Hội Y Dược học Vĩnh Phúc ra đời, để tập hợp tất cả những người làm công tác y tế công lập và ngoài công lập tham gia. Ngày 10 - 9 - 2010, Ban Vận động thành lập Hội Y Dược học Vĩnh Phúc với 29 thành viên đã được công nhận theo Quyết định số 363/QĐ-SYT của Giám đốc Sở Y tế. Ban Vận động đã làm đầy đủ các thủ tục xin phép thành lập Hội theo quy định; và ngày 30 - 11 - 2010, Quyết định số 3602/QĐ-CT về việc cho phép thành lập Hội Y Dược học tỉnh Vĩnh Phúc đã được ban hành.

Trước thềm Đại hội Đại biểu Hội Y Dược học tỉnh lần thứ nhất (dự kiến diễn ra vào tháng 1 - 2011), Ban Vận động đã vận động được trên 2.357 hội viên tự nguyện đăng ký tham gia, trong đó có 3 hội thành viên là Hội Đông y (618 hội viên), Hội Châm cứu (364 hội viên), Hội Điều dưỡng (933 hội viên) và Câu lạc bộ Thầy thuốc trẻ (40 hội viên đang công tác tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập)... Hy vọng Hội sẽ là nơi quy tụ đồng đội trí thức hoạt động trong ngành y, dược ở Vĩnh Phúc.

Cơ sở vật chất

Hệ thống y tế dự phòng và các bệnh viện đa khoa từ tuyến huyện đến tỉnh được đầu tư mạnh về cơ sở vật chất, thiết bị, dược, vật tư y tế và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân. Trong hệ thống các cơ sở y tế này, các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa cấp cơ sở, các trạm y tế xã, phường được đặc biệt chú trọng. Từ năm 2005 đến 2010, tỉnh đã đầu tư hơn 100 tỷ đồng để xây dựng, nâng cấp và cải tạo cho 137 trạm y tế xã, phường, thị trấn.

Đến nay, 100% trạm y tế đều được cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới, trong đó 75% số trạm được xây nhà hai tầng với khuôn viên thoáng mát, có vườn thuốc nam và được trang bị máy điện thoại, giường nội trú, tủ thuốc, tủ sấy, bàn đé, bếp nấu ăn, hệ thống nước sạch, dụng cụ khám và thiết bị sơ, cấp cứu cần thiết; một số trạm y tế xã được trang bị xe cứu thương, máy siêu âm và nhiều trang thiết bị hiện đại. Thực hiện Nghị quyết số 35/2004/NQ-HĐND ngày 21 - 12 - 2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện chuẩn quốc gia về y tế xã giai đoạn 2005 -2010, tỉnh đã đẩy nhanh tốc độ gia tăng số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã, nhất là những năm gần đây. Đến năm 2008 đã có 133/152 xã, phường được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế xã (đạt 87,5% số xã, phường, thị trấn); năm 2010, con số này là 132/137, đạt tỷ lệ 96,4%; phần đầu trong năm 2011, toàn tỉnh đạt 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế xã (theo chuẩn cũ) và 100% số xã, phường, thị trấn có bác sĩ công tác. Việc thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đã phản ánh rõ nét công tác xã hội hóa y tế ngày càng được Đảng, chính quyền và nhân dân toàn tỉnh quan tâm. Mỗi năm, các trạm y tế xã khám bệnh cho hơn 1,5 triệu lượt người, chiếm trên 50% tổng số bệnh nhân khám bệnh của toàn ngành; điều trị nội trú cho 4 - 5 vạn lượt người; đỡ đẻ từ 3.500 - 5.000 bà mẹ; điều trị ngoại trú cho 2 - 3 vạn lượt người, hơn 80% bệnh nhân thuyên giảm và khỏi bệnh; 98,7% trẻ dưới 1 tuổi hằng năm được tiêm phòng đầy đủ 7 loại vacxin theo quy định; 90% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và hàng vạn lượt phụ nữ được áp dụng các biện pháp tránh thai tại trạm.

Số giường bệnh trong khu vực y tế nhà nước tăng mạnh từ 1.518 (cả 3 tuyến) năm 1996 lên 2.300 năm 2010, trong đó chủ yếu tăng ở tuyến tỉnh và huyện. Tỷ lệ giường bệnh/1 vạn dân tăng dần qua các năm, từ 8,3 năm 1996 lên 13,5 năm 2005, và đặc biệt tăng mạnh trong giai đoạn 2006 - 2010; năm 2009 tỷ lệ này là 20, năm 2010 là 22,7, cao hơn tỷ lệ của toàn quốc (21). Nguyên nhân là trước năm 2005, quy mô các bệnh viện còn nhỏ, hầu hết các bệnh viện tuyến huyện đều phát triển từ các trung tâm y tế huyện nên cơ sở vật chất còn thiếu thốn. Từ sau năm 2005, để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân, hầu hết các bệnh viện đều phải nâng cấp, mở rộng và tăng quy mô giường bệnh.

Các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện không chỉ tăng quy mô số giường bệnh mà còn đầu tư, trang bị các loại máy móc hiện đại. Điển hình là Bệnh viện Đa khoa tỉnh, được thành lập từ năm 1997 trên cơ sở Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Yên cũ. Từ chỗ chỉ có 200 giường, thiếu thốn về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc, cán bộ, đến nay, bệnh viện đã được nâng cấp lên hạng I với quy mô 600 giường bệnh và 609 cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ với việc đẩy mạnh phát triển chuyên môn, áp dụng thành công nhiều kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị, nâng cao chất lượng điều trị, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Hằng năm, bệnh viện điều trị nội trú cho hàng chục nghìn người, điều trị ngoại trú cho hàng trăm nghìn người, phẫu thuật, thủ thuật cho trên 6.000 bệnh nhân.

Trong những năm qua, bệnh viện đã áp dụng nhiều loại hình đào tạo như tự đào tạo, tổ chức lớp đào tạo, mời chuyên gia, giáo sư ở các bệnh viện Trung ương về

giảng, cử cán bộ đi học tập trong và ngoài nước, tranh thủ hợp tác với các tổ chức Nhật Bản, Phòng chống mù lòa châu Á - Thái Bình Dương, Koika - Hàn Quốc... để tiếp cận kỹ thuật mới của các nước bạn, thu hút đầu tư trang thiết bị và mời các tình nguyện viên nước ngoài về hỗ trợ bệnh viện. Bệnh viện Đa khoa tỉnh cũng đã áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật mới vào khám, chẩn đoán và điều trị bệnh. Tính đến tháng 12 - 2010, bệnh viện đã có 609 cán bộ, nhân viên, trong đó có 159 bác sĩ, 15 dược sĩ, 296 điều dưỡng viên, 37 nữ hộ sinh, 1 dược tá, 2 y sĩ, 29 kỹ thuật viên và 70 nhân viên làm việc ở các bộ phận khác, đáp ứng đủ yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

Bệnh viện đã tranh thủ mọi nguồn lực, viện trợ, ngân sách để đầu tư mua sắm trang, thiết bị, máy móc hiện đại nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị như: máy siêu âm màu, máy xét nghiệm máu tự động, máy ly tâm, máy xét nghiệm đông máu, máy thở, máy theo dõi bệnh nhân, đèn máy mổ nội soi, máy X-quang cao tần... Bệnh viện đã tự làm được các phẫu thuật nội soi như: viêm ruột thừa, chữa ngoài tử cung, u nang buồng trứng, polip mũi xoang, u phì đại tuyến tiền liệt. Dưới sự hỗ trợ, giúp đỡ của các bệnh viện Trung ương, nhiều phẫu thuật vô cùng phức tạp đã được thực hiện thành công như: phẫu thuật sọ não, phẫu thuật chấn thương lún cột sống có chèn ép tủy, thoát vị đĩa đệm, phẫu thuật sỏi hệ tiết niệu, phẫu thuật cắt thận, phẫu thuật bướu cổ... Khoa Hồi sức cấp cứu đã áp dụng, duy trì nhiều kỹ thuật hồi sức và phác đồ điều trị hiện đại như thở máy dài ngày, điều trị shock các loại, kỹ thuật mở màng phổi, chọc dò dẫn lưu màng tim, kỹ thuật shock điện, điều trị ngộ độc cấp. Nhiều bệnh nhân nặng được cứu sống nhờ áp dụng kỹ thuật đặt nội khí quản, mở khí quản, dẫn lưu khí và dịch màng phổi. Bệnh viện đã tự chủ được kỹ thuật lọc máu ngoài cơ thể, kỹ thuật siêu lọc tách huyết tương. Bảo đảm lọc máu chu kỳ cho trên 40 bệnh nhân và lọc máu cấp cứu, siêu lọc máu cho 2.000 trường hợp suy tạng, thay huyết tương cho bệnh nhân mắc bệnh tự miễn. Năm 2007, bệnh viện nâng số máy chạy thận từ 15 lên 20 máy, trong tương lai sẽ phát triển thành trung tâm lọc máu lớn với những kỹ thuật hoàn hảo và nhiều phương pháp lọc. Bên cạnh những trang, thiết bị hiện đại như máy huyết học - sinh hóa tự động, bệnh viện đã đầu tư và đưa vào sử dụng nhiều máy móc, trang, thiết bị cận lâm sàng phục vụ chẩn đoán và điều trị như máy điện giải đồ, tăng cường triển khai thêm các xét nghiệm hóa miễn dịch phát quang, máy xét nghiệm đông máu cơ bản, máy chụp cắt lớp vi tính, máy cắt tiêu bản giải phẫu bệnh, máy tán sỏi thận nội soi, bộ khám tai - mũi - họng, máy soi đại tràng bằng ống soi mềm. Nhờ có hệ cận lâm sàng hoàn chỉnh, công tác chẩn đoán, điều trị, theo dõi bệnh nhân được nhanh chóng, chính xác và đạt hiệu quả cao.

Tuyên huyện cũng được ngành quan tâm trang bị xe ô tô cứu thương, máy siêu âm Aloka SSD 1.100, bộ dụng cụ phòng khám đa khoa khu vực; các tổ chức chính phủ (Nhật Bản) và phi chính phủ quốc tế (UNICEF và Pathfinder) cũng viện trợ trang, thiết bị y tế cho các huyện. Sau 5 năm tái lập tỉnh, tất cả các trung tâm y tế huyện, thị và các trung tâm kỹ thuật tuyến tỉnh đều được đầu tư xe ô tô cứu thương hiện đại, máy siêu âm chẩn đoán và đủ trang, thiết bị thiết yếu phục vụ chuyên môn.

Nguồn nhân lực

Thời gian qua, số lượng cán bộ hoạt động trong ngành y tế liên tục tăng. Lúc mới tái lập tỉnh, toàn ngành có 1.611 cán bộ (tăng 522 người so với cuối năm 1996), trong đó tuyến tỉnh có 445 người, tuyến huyện 552 người và tuyến xã 614 người. Năm 2008, toàn tỉnh có 2.989 cán bộ nhân viên y tế, trong đó 2.301 cán bộ ngành y, 159 cán bộ ngành dược, 106 kỹ thuật viên và 423 cán bộ nhân viên thuộc các chuyên môn khác. Năm 2010 có 3.744 người, trong đó 2.809 thuộc ngành y, 222 thuộc ngành

được, 172 kỹ thuật viên và 541 cán bộ nhân viên thuộc các chuyên môn khác. Trong 5 năm (2005 - 2010), bình quân mỗi năm tăng 309 cán bộ. Tỷ lệ bác sĩ/1 vạn dân tăng dần, năm 2005 là 4,7; năm 2008 là 5,19; năm 2010 là 6,1. Tuy đó là một sự cố gắng rất lớn của ngành, nhưng vẫn chưa đạt so với mặt bằng chung của cả nước (7,5 - tính cả bác sĩ ngoài công lập).

Đội ngũ y, bác sĩ và những người phục vụ trong ngành luôn được quan tâm, bổ sung và đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ quản lý. Tính đến đầu năm 2008, ngành y tế đã cử 229 cán bộ đi đào tạo nâng cao về chuyên môn; năm 2010, con số này là 379 cán bộ. Đồng thời, ngành cũng hợp đồng liên kết đào tạo với các trường y, dược trong nước để nâng cao nghiệp vụ cho 124 cán bộ y tế xã, phường, thị trấn (năm 2008) và 150 cán bộ (năm 2010). Cuối năm 2010, trong tổng số 3.744 cán bộ làm việc trong ngành y tế, có 621 bác sĩ (trong đó có 41 Thạc sĩ, 13 bác sĩ chuyên khoa II, 145 bác sĩ chuyên khoa I) và 176 dược sĩ (trong đó có 1 Thạc sĩ, 10 dược sĩ chuyên khoa I và 32 dược sĩ đại học). Tỷ lệ bác sĩ, dược sĩ đại học/1 vạn dân vẫn ở mức thấp so với cả nước (tỷ lệ bác sĩ là 6,1 - toàn quốc: 7,5; dược sĩ 0,42 - toàn quốc: 1,2). Hầu hết các bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đa khoa tuyến huyện và các đơn vị y tế thuộc hệ dự phòng rất thiếu bác sĩ, dược sĩ đại học; hằng năm không tuyển dụng đủ chỉ tiêu bác sĩ, dược sĩ đại học. Do vậy, mặc dù số lượng công chức, viên chức ngành y đã tăng khá mạnh trong những năm qua, nhưng về cơ bản vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực của ngành có nhiều chuyển biến tích cực. Những năm gần đây, tỉnh chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ cao và bác sĩ cho tuyến xã, từng bước hoàn thiện cơ cấu cán bộ phù hợp nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe theo hướng gần dân. Riêng năm 2007, tỉnh đã tuyển dụng được 262 công chức, viên chức, trong đó có 35 bác sĩ và 1 dược sĩ trình độ đại học; cử đi đào tạo sau đại học cho 36 bác sĩ. Từ năm 2007 đến năm 2010, tuyển mới được 146 bác sĩ, dược sĩ đại học; riêng năm 2010 đã cử 45 bác sĩ đi đào tạo sau đại học. Tỉnh cũng tiếp tục đào tạo bác sĩ chuyên tu cho y tế cơ sở và cử nhân điều dưỡng cho các cơ sở khám chữa bệnh. Năm 2010, đã cử 40 bác sĩ đi học chuyên tu và 70 điều dưỡng đi học đại học. Chất lượng đào tạo của Trường Trung học Y tế ngày càng được nâng cao, đảm bảo nguồn nhân lực cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân từ tỉnh đến cơ sở.

Tổng ngân sách chi cho y tế tăng lên qua các năm, từ 25,952 tỷ đồng (năm 1997) lên 194,4 tỷ đồng (năm 2010); trong vòng 13 năm sau khi tái lập tỉnh, tăng 7,5 lần. Tuy nhiên, tỷ lệ ngân sách nhà nước chi cho y tế so với tổng chi ngân sách địa phương hằng năm có xu hướng giảm, từ 5,5% (năm 1998) xuống còn 3,8% (năm 2001) và 1,7% (năm 2010). Tính ra, ngân sách chi cho y tế theo bình quân đầu người ở Vĩnh Phúc đã tăng từ 24.300 đồng năm 1997 lên 45.000 đồng năm 2004 và 191.500 đồng năm 2010, nhưng vẫn còn thấp so với bình quân chung của cả nước và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác phòng bệnh

Thời gian qua, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân của ngành y tế tỉnh được nâng lên rõ rệt. Công tác phòng chống dịch bệnh, truyền thông giáo dục sức khỏe, giám sát dịch tễ được triển khai hiệu quả. Trong nhiều năm qua, không có dịch lớn xảy ra trên địa bàn.

Các mục tiêu của Chương trình y tế quốc gia được triển khai đến từng cơ sở. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ 7 loại vaccin liên tục tăng qua các năm, bình quân trong giai đoạn 2006 - 2010 luôn đạt mức trên 98%; tỷ lệ mắc và chết do 7 bệnh có tiêm phòng vaccin ở trẻ em giảm rõ rệt. Bệnh phong, bại liệt và uốn ván sơ sinh đã được loại trừ ra khỏi cộng đồng. Các mục tiêu phòng, chống sốt rét, bấu cổ, lao, vệ sinh an toàn thực phẩm, HIV/AIDS... đều được thực hiện đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, góp phần quan trọng vào việc cải thiện và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Công tác vệ sinh lao động, môi trường và phòng chống bệnh nghề nghiệp đã được triển khai tích cực thông qua việc thanh, kiểm tra, đặc biệt là trong các nhà máy, xí nghiệp, công, nông trường. Tỉnh cũng đã tiến hành kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động, từng bước cải thiện môi trường và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Công tác dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình có nhiều chuyển biến tích cực thông qua việc triển khai các Chương trình sức khỏe sinh sản, làm mẹ an toàn, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Tỷ lệ tử vong mẹ (tỉ suất chết mẹ/100.000 trẻ sơ sinh sống) giảm dần, từ 5,3 năm 2005 xuống còn 5,2 năm 2009, và đến năm 2010 thì không còn ca tử vong mẹ nào nữa. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi giảm từ 27,4% năm 2005 xuống còn 17,36% năm 2009 và 16,28% năm 2010.

Công tác khám, chữa bệnh

Những năm qua, chất lượng khám, chữa bệnh, tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh của đội ngũ cán bộ y tế được nâng cao, tỷ lệ tử vong tại bệnh viện giảm còn 1,1‰. Trong năm 2007, toàn ngành đã khám và điều trị cho hơn 3,2 triệu lượt người; điều trị nội trú cho 110 nghìn bệnh nhân; điều trị ngoại trú cho gần 45 nghìn lượt người; công suất giường bệnh đạt 133% kế hoạch. Năm 2010, số lượt người đến khám và chữa bệnh tại cả 3 tuyến đều giảm so với cùng kỳ năm trước, với 2.652.108 lượt người, trong đó có 129.971 bệnh nhân điều trị nội trú, 52.392 người điều trị ngoại trú, công suất sử dụng giường bệnh đạt 112% so với kế hoạch. Tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện, các chỉ số hoạt động chuyên môn đều tăng, chất lượng chuyên môn, kỹ thuật tiếp tục được nâng cao, nhiều tiến bộ kỹ thuật mới được triển khai áp dụng, đạt kết quả tốt, đã thu hút được nhiều bệnh nhân đến khám và điều trị.

Ngành y tế tỉnh ngày càng đáp ứng yêu cầu về khám, chữa bệnh của đại đa số nhân dân với chất lượng dịch vụ được nâng cao từng bước. Số người khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế nhà nước ngày càng đông, nhất là người nghèo, diện chính sách xã hội. Ngành đã thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ở tất cả các cơ sở y tế từ tỉnh đến trạm y tế xã, kể cả ở một số cơ sở y tế tư nhân. Hằng năm, số thẻ bảo hiểm y tế đăng ký tại các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh tăng dần. Năm 2005, tổng số thẻ bảo hiểm y tế phát hành là 360.316 thẻ, đạt 30,8% dân số; năm 2008, tổng số thẻ phát hành là 497.226 thẻ, đạt 41,8% dân số. Năm 2010, ngân sách chi khám chữa bệnh cho người nghèo và người dân của các xã thuộc Chương trình 135 là 28,923 tỷ đồng, tập trung chủ yếu vào việc mua và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 84.345 đối tượng. Hoạt động khám, chữa bệnh của các bệnh viện ngày càng đi vào nề nếp theo quy chế chuyên môn.

Trong quá trình phát triển của ngành, công tác khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền luôn được chú trọng. Bệnh viện Y học cổ truyền thường xuyên phối hợp với Hội Đông y, Hội Châm cứu làm tốt công tác chỉ đạo tuyên, duy trì và phát triển hệ

thông y học cổ truyền trên địa bàn tỉnh. Năm 2008, đa số trạm y tế xã đã có hoạt động khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Việc kết hợp giữa y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám, chữa bệnh cũng được tăng cường. Trong các bệnh viện đa khoa tỉnh và huyện đều có khoa Y học cổ truyền.

Công tác phục hồi chức năng tại cộng đồng tiếp tục được duy trì. Đến năm 2009, ngành đã tổ chức huấn luyện phục hồi chức năng cho người tàn tật tại 137 xã, phường, thị trấn.

Công tác điều dưỡng cho các đối tượng chính sách, cán bộ lão thành cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng cũng được triển khai hiệu quả, đảm bảo chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước.

Công tác dược

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực dược được củng cố, kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở xã, phường, thị trấn. Năm 2010, tỉnh đã triển khai Đề án Phát triển ngành dược tại Vĩnh Phúc trên cơ sở Đề án Quản lý nhà nước về dược phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, mỹ phẩm giai đoạn 2006 - 2015 và Đề án Phát triển công nghiệp dược và xây dựng mô hình hệ thống cung ứng thuốc của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2015.

Mấy năm trở lại đây, ngành luôn đảm bảo cung cấp đủ thuốc có chất lượng phục vụ công tác khám, chữa bệnh và phòng bệnh; đồng thời chủ động phối hợp liên ngành trong công tác thanh, kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc nhằm bình ổn giá thuốc trên thị trường, thúc đẩy quá trình GDP hóa các nhà thuốc hoàn thành đúng tiến độ. Tổng doanh thu về dược không ngừng tăng lên, năm 2003 gấp 16 lần năm 1997; năm 2010 gấp 3,6 lần năm 2005.

Công tác giám định chất lượng thuốc, mỹ phẩm được thực hiện thường xuyên ở tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc, mỹ phẩm; hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ thuốc giả, thuốc kém phẩm chất lưu hành trên địa bàn; từng bước phát triển công nghiệp sản xuất thuốc, dược phẩm theo các tiêu chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu thuốc chữa bệnh trên địa bàn.

Đồng thời, ngành y tế cũng đã tham gia quản lý tốt các cơ sở chế biến thực phẩm, các nhà hàng ăn uống, thức ăn đường phố. Có biện pháp kiểm soát về thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích tăng trưởng, dư lượng kháng sinh nhằm hạn chế tối đa những vụ ngộ độc do ăn uống và ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe nhân dân. Năm 2010, ngành đã tiến hành kiểm nghiệm với 753 mẫu (dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm), kết quả có 727 mẫu đạt tiêu chuẩn chất lượng, chiếm 97%. Nhìn chung, từ năm 2005 đến 2010, tỷ lệ mẫu đạt chất lượng luôn ở mức trên 94%. Những mẫu không đạt tiêu chuẩn đều bị xử lý theo quy định và đình chỉ lưu hành trên toàn tỉnh.

Như vậy, chất lượng khám, chữa bệnh của hệ thống y tế Vĩnh Phúc được nâng lên theo từng năm. Một số dịch vụ kỹ thuật cao đã được triển khai có hiệu quả. Tuy vậy, bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại. Chẳng hạn, việc thực hiện Quy chế bệnh viện, đặc biệt là Quy chế Chống nhiễm khuẩn bệnh viện chưa tốt, tình trạng nhiễm khuẩn bệnh viện còn phổ biến, đặc biệt là trong phẫu thuật, thủ thuật, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe và giảm lòng tin của người bệnh. Công tác chỉ đạo tuyến còn nhiều hạn chế, chưa chủ động xây dựng kế hoạch để hướng dẫn và tạo điều kiện cho tuyến dưới nâng cao chất lượng chuyên môn, vẫn dừng lại ở mức nhận đào tạo cán bộ và hỗ trợ kỹ thuật khi có yêu cầu. Điều đó đặt ra cho ngành y tế Vĩnh Phúc những mục tiêu sát thực, hữu hiệu trong thời gian tới.

Nguồn tin: Theo Địa chí Vĩnh Phúc